

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 37/2020/DS - GĐT

Ngày 06/7/2020

Về “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản,
yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng
đất trồng rừng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân – Thẩm phán.

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm và ông Lê Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất trồng rừng*”, giữa:

1. Nguyên đơn: ông Trần Văn L; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Đức Th; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ban Quản lý Rừng phòng hộ P; địa chỉ: thôn Tr, xã Đ, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

3.2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3.3. Bà Lê Thị A (vợ ông L); địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

3.4. Bà Huỳnh Thị X (vợ ông Th); địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện* đề ngày 15/7/2013 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày: Năm 2002, vợ chồng ông L và vợ chồng ông Nguyễn Đức Th thỏa thuận miệng trồng keo chung đối với Dự án 661 được triển khai tại khu vực H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam do Ban quản lý dự án trồng rừng P (sau đây viết tắt là Ban Quản lý rừng) quản lý, giao khoán. Nội dung thỏa thuận

miệng của hai bên là vợ chồng ông Th có trách nhiệm tiến hành thủ tục nhận khoán đất, vợ chồng ông L chịu trách nhiệm đầu tư chi phí mua keo giống và trả công người trồng rừng, chia đôi số tiền rừng trồng được Ban quản lý rừng nghiệm thu, chi trả. Sau khi ông Th ký hợp đồng nhận khoán đất với Ban quản lý rừng thì từ tháng 8/2002 đến tháng 11/2002, vợ chồng ông L đã hoàn thành trồng rừng trên diện tích đất khoảng 10ha, Ban quản lý rừng đã thanh toán tiền nhưng vợ chồng ông Th không chia tiền mặc dù vợ chồng ông L đã đòi nhiều lần. Tháng 01/2005, ông Th viết *Giấy chuyển nhượng* toàn bộ số keo đã trồng trên diện tích đất 10ha cho ông L để trừ số tiền lẽ ra phải chia nhưng tháng 9/2007 ông Th vẫn tự ý vào phát dọn, đốt cây do vợ chồng ông L trồng trên diện tích đất khoảng 4.000m² và trồng sắn, keo con nên vợ chồng ông L khiếu nại nhưng không được giải quyết thỏa đáng nên vợ chồng ông L đã nhổ bỏ toàn bộ sắn và cây keo do ông Th trồng. Nay vợ chồng ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng ông L có quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo Mangium nằm dàn trải trên diện tích 90.808m² đất (theo *Trích đo kèm Biên bản xem xét thẩm định* ngày 02/10/2017). Đối với yêu cầu phản tố của ông Th cho rằng toàn bộ 2.721 cây keo mangium nằm dàn trải trên diện tích 90.808m² đất do ông Th trồng thì vợ chồng ông L không đồng ý vì số cây này vợ chồng ông L trồng và chăm sóc từ năm 2002 đến nay.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Đức Th trình bày:* Năm 2002, ông Th và ông L thỏa thuận miệng về nhận đất tại Dự án 661 do Ban quản lý rừng quản lý để trồng rừng chung và chia lợi nhuận chung, nội dung vợ chồng ông L đầu tư toàn bộ chi phí, còn ông Th làm các thủ tục nhận khoán đất rừng. Ban Quản lý rừng đã giao cho ông Hồng lô 14, giao cho ông Th lô 15 và giao cho ông Nghĩa lô 16, nhưng ông Nghĩa và ông Hồng không trồng mà giao lại toàn bộ cho ông Th trồng, ông L đầu tư toàn bộ chi phí và cả hai Ông cùng trồng rừng. Sau đó, Ban quản lý rừng kiểm tra, đồng ý nghiệm thu rừng trồng đạt yêu cầu tại lô 14 và lô 15, không đồng ý nghiệm thu rừng trồng tại lô 16 vì không đạt yêu cầu.

Do không còn tiền chia cho ông L theo thỏa thuận ban đầu nên năm 2005 ông Th viết *Giấy chuyển nhượng* toàn bộ số cây keo đã trồng trên lô 14 và lô 15 cho ông L chăm sóc, quản lý và khai thác; riêng lô 16 vẫn do ông Th quản lý, chăm sóc và sau đó Ban Quản lý rừng quy hoạch đổi tên thành lô 18 và giao cho ông Th trồng lại rừng. Năm 2007, ông Th làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã T xin khai thác số cây keo đã trồng tại lô 18 (số keo này trước đây Ban Quản lý rừng chưa nghiệm thu) và ông Th đã tiến hành phát dọn và trồng dặm thêm keo trên lô 18. Năm 2008 ông L tự ý nhổ keo do ông Th trồng trên lô 18 nên ông Th báo Công an giải quyết thì Công an đã xác định ông L có hành vi nhổ keo tại lô 18 do ông Th trồng. Nay, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ số lượng 2.721 cây keo mangium trồng trên diện tích 90.808m² đất thuộc sở hữu của ông L thì ông Th không đồng ý, đồng thời ông Th có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết hủy *Hợp đồng chuyển nhượng đất rừng* ngày 17/01/2005 giữa ông Th với ông L và công nhận ông Th có quyền sở hữu 963 cây keo mangium trên diện tích đất 32.114m² thuộc lô 16 (lô 18 mới) theo kết quả thể hiện tại *Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ* ngày 02/10/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị A (vợ ông L) thông*

nhất với trình bày và yêu cầu của ông L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị X (vợ ông Th) thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Th.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý rừng phòng hộ P trình bày:* Năm 2003, Ban Quản lý rừng quy hoạch lại đất trồng rừng thì lô 16 được đổi tên thành lô 18 và giao cho ông Th tiếp tục trồng rừng nhưng ông Th trồng rừng không đạt yêu cầu nên chưa được nghiệm thu. Ngày 30/10/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND phê duyệt kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng thì diện tích đất rừng tại lô 14, 15 và lô 16 (lô 16 đổi tên thành lô 18) không còn nằm trong diện tích rừng phòng hộ do Ban Quản lý rừng phòng hộ P quản lý mà giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo diện đất rừng sản xuất nhưng khi triển khai Ban Quản lý không bàn giao chi tiết diện tích đất và cây trồng trên đất cho Ủy ban nhân dân xã T. Từ năm 2007 đến nay, Ban Quản lý rừng không còn quản lý đất và keo trồng trên đất nên không xác định được số lượng 2.721 cây keo mangium là keo trồng thuộc Dự án hay do ai trồng, còn 90.808m² đất thì Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2017 xác định nằm trong diện tích lô 14, lô 15 và 16.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T trình bày:* Năm 2007, Ban Quản lý dự án trồng rừng P đã giao diện tích đất hiện nay các bên tranh chấp cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý nhưng không thực hiện việc bàn giao chi tiết, cụ thể diện tích đất và số cây trên đất. Do đó, Ủy ban nhân dân xã T chỉ quản lý 90.808m² đất, còn không quản lý số keo trồng trên đất nên không xác định được ai là chủ sở hữu số cây này.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2013/DSST ngày 03/9/2013, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L. Công nhận 9.969 cây keo lá tràm trên diện tích đất 49.847 m² có tọa độ xác định tại 28 điểm đo, theo trích đo địa chính của phòng Tài nguyên và môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam ngày 17/01/2013 (có trích đo địa chính kèm theo) tại khu vực H, thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn L và bà Lê Thị A.

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ cây keo lá tràm nằm trên diện tích đất thuộc lô 18 mới (lô 16 cũ) tại thôn 6, xã T, huyện N theo thiết kế của dự án 661 năm 2003 thuộc quyền sở hữu của ông Th.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên bố quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 16/9/2013, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

- Ngày 09/9/2013, bị đơn ông Nguyễn Đức Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị X có đơn kháng cáo.

- *Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2014/DSPT ngày 09/01/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:*

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức Th, bà Huỳnh Thị X và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về án phí sơ thẩm; sửa bản án thẩm. Áp dụng Điều 233, 234 Bộ luật dân sự, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L. Công nhận 9.969 cây keo lá tràm trên diện tích đất 49.847 m² có tọa độ xác định tại 28 điểm đo, theo trích đo địa chính của phòng Tài nguyên và môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam ngày 17/01/2013 (có trích đo địa chính kèm theo) tại khu vực H, thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn L và bà Lê Thị A.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Tại Quyết định số 40/2014/KN-DS ngày 06/6/2014, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm; đề nghị Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định giám đốc thẩm số 183/2015/DS-GĐT ngày 21/5/2015, Tòa án dân sự Tòa án nhân dân tối cao quyết định hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29/5/2019, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào Điều 164; Điều 165; khoản 2 Điều 168, khoản 1, 2 Điều 169; Điều 233; Điều 255; Điều 256; Điều 501; Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L: Công nhận cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị A được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808 m² tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (vị trí, hiện trạng có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).*

- *Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về yêu cầu Tòa án “Hủy hợp đồng chuyển nhượng 10 ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L vào ngày 17/11/2005 và buộc ông L trả lại đất cho ông Th tiếp tục sử dụng”.*

- *Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về “yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Th và bà Xuân được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm trên diện tích đất 90.808 m² tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam”.*

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 03/6/2019, ông Th có đơn kháng cáo.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm và công nhận ông Nguyễn Đức Th, bà Huỳnh Thị X được quyền sở hữu 1.758 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm trên diện tích đất 58.694 m² (lô 14, 15) tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Th và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

1. Áp dụng Điều 164; Điều 165; khoản 2 Điều 168; khoản 1, khoản 2 Điều 169; Điều 233; Điều 255; Điều 256; Điều 501; Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 244; Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L: Công nhận cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị A được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm trên diện tích đất 90.808 m² tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án “Hủy hợp đồng chuyển nhượng 10 ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L lập vào ngày 17 tháng 01 năm 2005 và buộc ông Trần Văn L trả lại đất cho ông Nguyễn Đức Th tiếp tục sử dụng”.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Nguyễn Đức Th và bà Huỳnh Thị X được quyền sở hữu toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm trên diện tích đất 90.808 m² tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam...

4. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

- Ngày 29/11/2019, ông Th có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Tại Quyết định số 39/KNGĐT-VKS-DS ngày 26/3/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm sửa Bản án dân sự phúc thẩm, công nhận 963 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm trên diện tích 32.114 m² thuộc lô 18 tại khu vực H thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Th; buộc ông Trần Văn L, bà Lê Thị A phải trả cho ông Nguyễn Đức Th, bà Huỳnh Thị X giá trị 963 cây keo mangium là 28.890.000 đồng (693 cây x 30.000 đồng/cây), với nhận xét:

Thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo Quyết định số 661/QĐ-TT ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là dự án 661). Năm 2002, Ban

Quản lý dự án trồng rừng huyện P, tỉnh Quảng Nam đã thiết kế nhiều lô đất có diện tích khác nhau để giao cho các hộ dân trồng rừng, trong đó có lô số 14, diện tích 4,4 ha giao cho ông Nguyễn Đức Hồng, lô số 15, diện tích 4,8 ha giao cho ông Nguyễn Đức Th và lô số 16, diện tích 4,1 ha giao cho ông Nguyễn Văn Nghĩa, nhưng ông Hồng và ông Nghĩa không làm nên để cho vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị A thực hiện việc trồng rừng.

Trong năm 2002, vợ chồng ông Trần Văn L, bà Lê Thị A đã thực hiện việc trồng rừng. Theo Hồ sơ nghiệm thu và thanh toán tiền năm 2003 của Ban quản lý dự án trồng rừng huyện P, thể hiện: Lô số 14, 15 trồng rừng đạt nên được nghiệm thu và thanh toán tiền, ông Th là người nhận tiền, còn lô số 16 trồng rừng không đạt nên không được nghiệm thu. Năm 2003, Ban Quản lý rừng phòng hộ P thiết kế trồng rừng lại và lô số 16 chuyển thành lô số 18 giao cho ông Nguyễn Đức Th tiếp tục thực hiện việc trồng rừng.

Do ông Th đã nhận tiền trồng rừng lô số 14, 15 của Ban Quản lý rừng phòng hộ P nhưng không thanh toán cho ông Trần Văn L, nên ngày 17/01/2005, ông Th làm “Giấy chuyển nhượng” giao toàn bộ số cây keo đã trồng trên diện tích đất khoảng 10 ha cho vợ chồng ông L quản lý và chăm sóc. Sau này ông Nguyễn Đức Th tiếp tục trồng keo trên diện tích lô số 18 thì xảy ra tranh chấp với ông Trần Văn L.

Tại Biên bản xác định lại hiện trường ngày 26/6/2009 của Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam, thể hiện: Đã kiểm tra toàn bộ diện tích đất tranh chấp trong lô 16 (mới là lô 18) là 4,1 ha gồm có: Cây keo có độ tuổi 6-7 năm có khoảng 600 cây, ngoài ra có cây keo 1 năm và cây sắn trồng thưa thớt; ông L là người nhổ cây keo của dự án còn lại 17 cây và 01 cây cổ thụ. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện N cũng xác định loại cây keo lá tràm có độ tuổi khoảng 11 năm là 2.991 cây có đường kính từ 15-30 cm, mật độ 2000 cây/ha trên diện tích đo hiện trạng đất tranh chấp...Quyết định giám đốc thẩm số 183/2015/DS-GĐT ngày 21/5/2015 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao cũng nhận định: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L công nhận 9.969 cây keo lá tràm trên diện tích đất 49.847 m² thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn L và bà Lê Thị A là không có căn cứ...

Sau khi Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam thụ lý lại vụ án: Ngày 17/10/2018, ông Trần Văn L có đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ 2.721 cây keo lá tràm trên diện tích đất 90.808 m² theo sơ đồ trích đo ngày 02/10/2017 là của ông. Ngày 23/10/2018, tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Đức Th thay đổi yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu Tòa án công nhận 963 cây keo lá tràm trên diện tích đất 32.114 m² thuộc lô 18 mới (lô 16 cũ) theo sơ đồ trích đo ngày 02/10/2017 thuộc quyền sở hữu của ông Th. Đây là số cây còn lại sau khi bị ông Trần Văn L phá, nhổ nhưng chưa hết. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2011/DS-PT ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” đã buộc ông Trần Văn L phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức Th 15 triệu đồng do ông L nhổ cây mà ông Th đã trồng trên lô số 18.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân

dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, thể hiện: Diện tích đất 90.808 m² nằm trong diện tích lô 14, lô 15 và 16 (lô 18 năm 2003) được chia thành 03 khu (1,2,3) trên đất có 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm, cụ thể: Khu 1 là diện tích lô 14 còn lại: 28.870 m², trên đất có 864 cây; Khu 2 là diện tích lô 15 còn lại: 29.824 m², trên đất có 894 cây; Khu 3 là diện tích lô 16 còn lại: 32.114 m², trên đất có 963 cây; Giá trị 01 cây keo là 30.000 đồng, các bên đương sự đều đồng ý ký tên trong biên bản định giá tài sản.

Vì vậy, ông Nguyễn Đức Th phản tố yêu cầu Tòa án công nhận 963 cây keo lá tràm trên diện tích đất 32.114m² thuộc lô 18 mới (lô 16 cũ) theo sơ đồ trích đo ngày 02/10/2017 thuộc quyền sở hữu của ông Th là có căn cứ. Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức Th đối với 1.758 cây keo mangium trên diện tích đất 58.694 m² (lô 14, 15) là đúng pháp luật nhưng vẫn tuyên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Đức Th yêu cầu công nhận toàn bộ 2.721 cây keo mangium trên diện tích đất 90.808 m² là mâu thuẫn với nhau. Đồng thời công nhận toàn bộ 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm trên diện tích đất 90.808 m² tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn L, bà Lê Thị A là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Đức Th.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Công văn số 55/BQL-KHKT ngày 24/8/2017, số 11/BQL-KHKT ngày 12/3/2018, Ban Quản lý Rừng phòng hộ P (sau đây viết tắt là Ban quản lý rừng) cho biết vào năm 2002 có giao ông Nguyễn Đức Th trồng rừng tại lô 15 diện tích 4,8ha, giao ông Nguyễn Đức Hồng (em ruột ông Th) trồng rừng tại lô 14 diện tích 4,4ha và giao cho ông Nguyễn Văn Nghĩa trồng rừng tại lô 16 diện tích 4,1 ha; ông Nghĩa, ông Hồng không trồng mà giao toàn bộ đất lại cho ông Th trồng rừng. Quá trình giải quyết vụ án đã trải qua nhiều lần xét xử sơ thẩm, phúc thẩm thì ông L và ông Th đều thừa nhận hai Ông có thỏa thuận miệng về việc ông Th lo thủ tục nhận khoán đất, ông L đầu tư toàn bộ chi phí mua keo giống và trả công người trồng, chia đôi số tiền do Ban quản lý rừng nghiệm thu chi trả. Sau khi ông Th ký thủ tục nhận khoán trồng rừng tại 3 lô 14, 15, 16 (nhận cả 02 lô của ông Hồng và ông Nghĩa) thì ông L trình bày từ tháng 8/2002 đến tháng 11/2002 ông L đã trồng rừng trên diện tích đất khoảng 10ha. Theo cung cấp của Ban quản lý rừng và thừa nhận của ông Th thì ngày 05/3/2003 Ban quản lý rừng đồng ý nghiệm thu rừng đã trồng tại lô 14 và lô 15 và đã trả tiền trồng rừng hai lô này cho ông Th; riêng lô 16 Ban quản lý rừng chưa đồng ý nghiệm thu vì không đạt yêu cầu. Ông Th cũng thừa nhận do không còn tiền chia ½ cho ông L theo cam kết trồng rừng chung giữa hai bên nên ngày 17/01/2005 ông Th viết **Giấy chuyển nhượng** (Giấy được UBND xã T xác nhận – bút lục 03) ghi “Tôi tên Nguyễn Đức Th, nguyên tôi có làm chung với

anh Trần Văn L tại H diện tích 10 ha trong dự án 661, nay điều kiện gia đình tôi không có điều kiện để làm (không có lao động), nay tôi làm giấy này chuyển nhượng số diện tích trên lại cho vợ chồng anh chị trọn quyền quản lý số diện tích trên; việc chung vốn đầu tư anh chị nhận số diện tích trên chịu thanh toán hoàn vốn đầu tư + lãi suất; thời gian làm giấy này trở lên quyền sở hữu thuộc về anh Trần Văn L + chị Lê Thị A”.

[2] Ngày 15/7/2013 ông L khởi kiện cho rằng ngày 17/01/2005 ông Th đã viết **Giấy chuyển nhượng**, chuyển nhượng toàn bộ diện tích rừng ông Th nhận khoán của Ban quản lý rừng cho ông L để trừ số tiền lẽ ra ông Th phải chia cho ông L nhưng tháng 9/2007 ông Th vẫn vào phát dọn, đốt rừng là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên ông L yêu cầu Tòa án công nhận 2.721 cây keo Mangium (theo *Biên bản xem xét thẩm định* ngày 02/10/2017) hiện còn trên đất thuộc quyền sở hữu của ông L. Ông Th thì cho rằng chỉ chuyển nhượng cho ông L cây đã trồng tại lô 14, 15 còn lô 16 (sau đổi tên thành lô 18) thì ông Th vẫn quản lý, chăm sóc, đồng thời ông Th còn có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng rừng (**Giấy chuyển nhượng** ngày 17/01/2005) giữa hai bên và yêu cầu công nhận ông Th vẫn còn quyền quản lý cả 3 lô 14, 15, 16 và toàn bộ 2.721 cây keo Mangium còn tồn tại trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Th (tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/10/2019 ông Th rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu công nhận ông Th có quyền sở hữu đối với 963 cây keo còn tồn tại trên lô 18).

[3] Xét, tổng diện tích đất ông Th nhận khoán để trồng rừng với Ban Quản lý rừng phòng hộ P năm 2003 (bao gồm cả diện tích đất ông Nguyễn Đức Hồng và ông Nguyễn Văn Nghĩa giao lại cho ông Th) tại 03 lô 14, 15, 16 là 13,3ha loại rừng phòng hộ. Căn cứ Quyết định số 48/2007/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng thì Ban Quản lý rừng phòng hộ P xác định 3 lô 14, 15, 16 nêu trên thuộc loại đất rừng sản xuất nên đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý năm 2007; ông Th và ông L đều chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét, giải quyết yêu cầu phản tố của ông Th yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất (theo **Giấy chuyển nhượng** ngày 17/01/2005) giữa hai bên và công nhận ông Th vẫn có quyền sử dụng các lô 14, 15, 16 mà chỉ xem xét, giải quyết đối với quyền sở hữu số cây trồng hiện còn tồn tại trên đất thuộc sở hữu của ai là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Xét trình bày của ông L cho rằng ông Th đã viết **Giấy chuyển nhượng** ngày 17/01/2005 chuyển nhượng toàn bộ diện tích rừng ông Th nhận khoán của Ban quản lý rừng để trừ số tiền lẽ ra ông Th phải chia cho ông L, nhưng tháng 9/2007 ông Th vẫn vào phát dọn, đốt rừng là xâm phạm quyền lợi hợp pháp của ông L nên ông L yêu cầu Tòa án công nhận 2.721 cây keo Mangium (theo *Biên bản xem xét thẩm định* ngày 02/10/2017) hiện còn tồn tại trên đất thuộc quyền sở hữu của ông L; trong khi ông Th cho rằng chỉ chuyển nhượng cho ông L số cây đã trồng tại lô 14 và lô 15 còn lô 16 (sau đổi tên thành lô 18) thì ông Th vẫn quản lý, chăm sóc nên ông Th phản tố yêu cầu Tòa án công nhận ông Th có quyền sở hữu đối với 963 cây keo còn tồn tại trên lô 18, cấp giám đốc thẩm xét thấy: [4.1] Ngày 05/3/2003 Ban quản lý rừng sau khi kiểm tra chỉ đồng ý nghiệm thu thanh toán

diện tích rừng đã trồng tại lô 14 và 15 mà chưa đồng ý nghiệm thanh toán rừng đã trồng tại lô 16 vì rừng trồng chưa đạt yêu cầu, đồng thời quy hoạch đổi tên lô 16 thành lô 18 và tiếp tục giao cho ông Th quản lý trồng rừng tại lô 18; [4.2] Tại **Giấy chuyển nhượng** đề ngày 17/01/2005 ông Th chỉ chuyển nhượng cho ông L quản lý, chăm sóc cây trên diện tích đất 10ha, trong khi theo nội dung Công văn số 55/BQL-KHKT ngày 24/8/2017, số 11/BQL-KHKT ngày 12/3/2018, Ban Quản lý rừng thì tổng diện tích đất ông Th ký nhận khoán (bao gồm cả diện tích đất ông Nguyễn Đức Hồng và ông Nguyễn Văn Nghĩa giao lại) là 13,3ha; [4.3] Ông L cũng thừa nhận từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2007 ông Th vẫn vào lô 18 trồng dặm thêm keo, sản với diện tích khoảng 0,48ha nên ông L đã chặt phá số keo, sản ông Th trồng thêm nên ông Th đã làm Đơn tố giác hành vi của ông L với Công an huyện N. Cơ quan Điều tra Công an huyện N tuy không khởi tố vụ án hình sự nhưng cũng đã lập *Biên bản xác định hiện trường* ngày 26/6/2009 xác định “*đã kiểm tra toàn bộ diện tích đất tranh chấp trong lô 16 (lô mới là 18) là 4,1 ha, gồm có: cây keo có độ tuổi 6 đến 7 năm có khoảng 600 cây, ngoài ra có cây keo 1 năm và cây sản trồng thưa thớt; ông L là người nhổ cây keo của dự án còn lại 17 cây và 01 cây cổ thụ*” nên ông Th khởi kiện và Bản án dân sự phúc thẩm số 82/2011/DS-PT ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ghi nhận sự tự nguyện của ông L bồi thường cho ông Th 15.000.000 đồng đối với số cây ông Th trồng thêm bị ông L phá, nhổ tại lô 18; [4.4] Từ các căn cứ trên, đủ cơ sở xác định tuy ông Th có viết **Giấy chuyển nhượng** ngày 17/01/2005 nhưng chuyển nhượng chưa hết diện tích đất rừng mà ông Th nhận khoán và ông Th vẫn được Ban quản lý rừng giao quản lý diện tích rừng đã trồng trên lô 18 nhưng chưa được nghiệm thu; từ việc nhận thức được hành vi sai trái của mình khi vào chặt phá cây trên lô 18 do ông Th quản lý, chăm sóc nên năm 2011 ông L đã tự nguyện bồi thường cho ông Th 15.000.000 đồng đối với số cây do ông Th trồng thêm năm 2007 bị ông L chặt phá; do đó, đủ cơ sở xác định 963 cây keo còn tồn tại trên lô 18 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Th. Tại *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ* do Tòa án cấp sơ thẩm chủ trì tiến hành lập ngày 02/10/2017 có cả ông L và ông Th tham gia và thống nhất ký tên thể hiện số lượng 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm nằm dàn trải trên diện tích 90.808m² đất của cả ba lô 14, lô 15 và 16, cụ thể: *khu 1 là lô 14 diện tích đo thực tế 28.870m² có 864 cây; khu 2 là lô 15 diện tích đo thực tế 29.824m² có 894 cây; khu 3 là lô 16 diện tích đo thực tế 32.114m² có 963 cây; giá 01 cây keo là 30.000 đồng.*

[5] Từ các căn cứ được dẫn chứng, phân tích tại các luận điểm nêu trên, cấp giám đốc thẩm xét thấy lẽ ra phải chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Th để công nhận 963 cây keo mangium trên diện tích 32.114 m² đất (*thuộc khu 3 lô 16 hoặc lô 18 mới*) thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Th mới đúng nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm tại bản án số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Th là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th, do đó chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 39/KNĐT-VKS-D ngày 26/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề sửa một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì vợ chồng ông L đã khai thác 963 cây keo trên lô 18 nên cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo hướng buộc vợ chồng ông L trả vợ chồng ông Th giá trị 963 cây keo mangium x 30.000đ/cây, thành tiền là 28.890.000 đồng.

[6] Về án phí: Cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm nên ông Th là người kháng cáo đối với bản án sơ thẩm không phải chịu án phí phúc thẩm, do ông L và ông Th đều là người cao tuổi nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của ông L cũng như yêu cầu phản tố của ông Th mỗi bên được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định và định giá tài sản. Vì ông Th đã nộp toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản là 9.000.000 đồng và đã chi xong nên ông L có nghĩa vụ hoàn trả ông Th 4.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343; Điều 347 và Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 39/KNGĐT-VKS-D ngày 26/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2019/DS-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Áp dụng khoản 2 Điều 168, Điều 169, Điều 233, Điều 255, Điều 256, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, công nhận ông Trần Văn L và bà Lê Thị A được quyền sở hữu 2.721 cây keo mangium đường kính từ 15cm đến 35cm trên diện tích đất 90.808m² thuộc lô 14, lô 15 tại khu vực H, thôn Thuận Tân, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (số lượng cây và diện tích đất đo đạc nêu trên căn cứ theo Trích đo kèm Biên bản xem xét thẩm định ngày 02/10/2017, hiện nay có thể thay đổi).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th về yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng 10 ha đất trồng rừng với ông Trần Văn L lập vào ngày 17/01/2005.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Đức Th, buộc ông Trần Văn L và bà Lê Thị A trả ông Nguyễn Đức Th và bà Huỳnh Thị X giá trị 963 cây keo mangium đường kính từ 15 cm đến 35 cm là 28.890.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn L và ông Nguyễn Đức Th được miễn nộp vì là người cao tuổi nên hoàn trả cho ông Nguyễn Đức Th 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000855 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn L và ông Nguyễn Đức Th được miễn vì là người cao tuổi và hai Ông chưa nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Đức Th phải chịu 4.500.000 đồng, ông Trần Văn L phải chịu 4.500.000 đồng nhưng ông Th đã nộp tạm ứng 9.000.000 đồng và đã chi xong nên ông L phải hoàn trả ông Th 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TAND CC tại Đà Nẵng;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân